

Số: 250 /STC-HCSN
V/v đơn đốc thực hiện việc đổi mới
cơ chế hoạt động các đơn vị sự
nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh

An Giang, ngày 23 tháng 10 năm 2018

Kính gửi:

- Các Sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung Ương về việc tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập (Nghị định số 16/2015/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và Thông tư số 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 141/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập và Thông tư số 90/2017/TT-BTC ngày 30/8/2017 Bộ Tài chính quy định việc cơ chế tự chủ đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Kế hoạch số 303/KH-UBND ngày 08/7/2015 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

Theo đó, ngày 18/09/2018, Sở Tài chính đã có công văn số 2198/STC-HCSN gửi các Sở, ngành và địa phương báo cáo tình hình thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập và gửi báo cáo về Sở Tài chính chậm nhất đến ngày 27/9/2018 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. Tuy nhiên, đến nay Sở Tài chính chưa nhận được đầy đủ báo cáo của các Sở, ngành và địa phương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo chỉ đạo.

Để có cơ sở tổng hợp, báo cáo đánh giá tình hình thực hiện đổi mới cơ chế hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh An Giang năm 2018, Sở Tài chính đề nghị các Sở, ngành và địa phương khẩn trương thực hiện những nội dung đã hướng dẫn tại công văn số 2198/STC-HCSN, như sau:

I. Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh:

1. Về Quy hoạch mạng lưới đơn vị SNCL:

Đề nghị Trường Cao đẳng Y tế; Trường Cao đẳng Nghề An Giang; Trường Chính trị Tôn Đức Thắng; Tỉnh đoàn An Giang; Đài Phát thanh truyền hình An Giang; Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư khẩn trương hoàn chỉnh Đề án Quy hoạch mạng lưới đơn vị SNCL giai đoạn 2018-2020 và định hướng đến năm 2030, gửi Sở Nội vụ, Sở Tài chính có ý kiến trước khi trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. **Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 31/10/2018.**

2. Về xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập và Định mức kinh tế kỹ thuật:

Các Sở, ngành chưa trình cấp thẩm quyền phê duyệt Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập và Định mức kinh tế kỹ thuật, trên cơ sở hướng dẫn của Bộ, ngành có liên quan (nếu có), khẩn trương xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công lập và Định mức kinh tế kỹ thuật, gửi Sở Tài chính có ý kiến trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. **Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 15/11/2018.**

3. Về chuyển đổi loại hình đơn vị SNCL:

a) Khẩn trương rà soát tình hình tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc nếu có đủ điều kiện chuyển đổi loại hình tự chủ tài chính trong năm 2018, các Sở, ngành xây dựng và lập phương án, phân loại tự chủ về tài chính giai đoạn 2018-2020 hoặc giai đoạn 2019-2021 của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Đối với Sở Y tế, Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Sở Y tế: xây dựng và lập phương án, phân loại tự chủ về tài chính giai đoạn 03 năm (2018-2020) chuyển từ loại hình do NSNN đảm bảo chi thường xuyên sang loại hình tự đảm bảo một phần chi thường xuyên đối với Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Căn cứ Quyết định kiện toàn thành lập Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh số 2385/QĐ-UBND ngày 07/08/2017, rà soát tình hình tài chính đối với Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh để xây dựng và lập phương án, phân loại tự chủ về tài chính giai đoạn 03 năm (2018-2020) chuyển từ loại hình tự đảm bảo 01 phần chi thường xuyên sang loại hình tự đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên.

c) Sau khi xây dựng và lập phương án, phân loại tự chủ về tài chính giai đoạn 03 năm, các Sở, ngành khẩn trương gửi Sở Tài chính và Sở Nội vụ thẩm định trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. **Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 30/11/2018.**

4. Về rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 mục III Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương:

Căn cứ lộ trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 mục II Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 11/9/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về "Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao

chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”, đề nghị các Sở, ngành rà soát sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập và xây dựng lộ trình thực hiện cụ thể của từng giai đoạn đối với các đơn vị sự nghiệp công lập, gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo. **Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 30/11/2018.**

II. Đối với UBND cấp huyện:

1. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc, đảm bảo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 mục III Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương và lộ trình sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại khoản 2 mục II Chương trình hành động số 20-CTr/TU ngày 11/9/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”.

2. Chỉ đạo Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương xây dựng quy hoạch mạng lưới, danh mục dịch vụ sự nghiệp công trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định tại Nghị định 16/2015/NĐ-CP và các Nghị định có liên quan.

3. Chỉ đạo các cơ quan quản lý nhà nước (có đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc), đơn vị sự nghiệp công lập rà soát, hoàn chỉnh phương án, phân loại tự chủ về tài chính giai đoạn 03 năm đối với các đơn vị sự nghiệp đủ điều kiện chuyển đổi loại hình sự nghiệp công lập, nâng mức tự đảm bảo theo quy định, trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

4. Thống kê số lượng đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương quản lý năm 2018 đã phân loại tự chủ tài chính (*đề nghị gửi kèm Quyết định của UBND cấp huyện về giao tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập*) và dự kiến số lượng đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại theo Nghị quyết số 19-NQ/TW.

5. Kết quả thực hiện, đề nghị UBND các huyện, thị xã, thành phố gửi báo cáo bằng văn bản về Sở Tài chính và Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh. **Thời gian hoàn thành chậm nhất ngày 30/11/2018.**

Rất mong các Sở, ngành và địa phương quan tâm phối hợp./. *LM*

Nơi nhận:

- TT: Tỉnh ủy; HĐND tỉnh, UBND tỉnh (để bc);
- Ban Giám đốc Sở;
- VP Sở; TT TĐDVTC (báo cáo);
- Phòng NS (tổng hợp bc cấp huyện);
- Phòng G-CS; THPTK;
- Lưu VT, P. HCSN.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Ngọc Lan

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHUYỂN ĐỔI CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP ĐẾN 15/10/2018

(Kèm theo Công văn số 23/STC-HCSN ngày 23/10/2018 của Sở Tài chính)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số đơn vị SNCL năm 2018 (đến 30/9/2018)				Về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL				Về Danh mục dịch vụ SNCL sử dụng NSNN			Về Định mức kinh tế kỹ thuật	
		Tổng cộng	Tự đảm bảo chi TX & ĐT	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo 1 phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ chi TX	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt
I	Cấp tỉnh	163	3	28	79	53	7	24	11	20	1	30		
1	Sở Khoa học và Công nghệ	3		3				QĐ 188/QĐ-UBND ngày 13/01/2017	QĐ 186/QĐ-UBND ngày 13/01/2017		QĐ 187/QĐ-UBND ngày 13/01/2017			
2	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	11		1	5	5		QĐ 2128/QĐ-UBND ngày 13/7/2017	QĐ 958/QĐ-UBND ngày 28/3/2017			Chưa xây dựng		
3	Sở Công Thương	1				1		QĐ 2496/QĐ-UBND ngày 17/8/2017	QĐ 2121/QĐ-UBND ngày 12/7/2017			Chưa xây dựng		
4	Trường Đại học An Giang	8		1	7			QĐ 1015/QĐ-UBND ngày 03/04/2017	QĐ 2087/QĐ-UBND ngày 06/7/2017		áp dụng chung với ngành GD	Chưa xây dựng		
5	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	1		1				QĐ 2731/QĐ-UBND ngày 14/9/2018	QĐ 2632/QĐ-UBND ngày 01/9/2017			Chưa xây dựng		
6	Sở Giao thông vận tải	3	3					QĐ 5528/QĐ-UBND ngày 21/02/2017			Chưa xây dựng			
7	Sở Tài chính	1			1			QĐ 2091/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	QĐ 2798/QĐ-UBND ngày 20/9/2017			Chưa xây dựng		
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	4		2	2			QĐ 2092/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	QĐ 2830/QĐ-UBND ngày 22/9/2017			Chưa xây dựng		
9	Sở Tư pháp	4		3		1		QĐ 2167/QĐ-UBND ngày 14/7/2017			STC đã góp ý nhưng đơn vị chưa trình phê duyệt	Chưa xây dựng		
10	Ban quản lý Di tích VH Óc Eo	1				1		QĐ 1463/QĐ-UBND ngày 11/05/2017			Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
11	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng và khu vực phát triển đô thị	1		1				QĐ 2093/QĐ-UBND ngày 07/7/2017			Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
12	Ban quản lý khu kinh tế tỉnh	2		1	1	1		QĐ 2124/QĐ-UBND ngày 12/7/2017			Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
13	Sở Xây dựng	1		1				QĐ 2495/QĐ-UBND ngày 17/8/2017			Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
14	Sở Y tế	37		7	13	17		QĐ 2280/QĐ-UBND ngày 28/7/2017	QĐ 2802/QĐ-UBND ngày 21/9/2017			Chưa xây dựng		
15	Trường Cao đẳng Y tế	1		1						Đơn vị đang xây dựng		Chưa xây dựng		
16	Sở Thông tin và Truyền thông	2			2			QĐ 2728/QĐ-UBND ngày 14/9/2017			Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	



STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số đơn vị SNCL năm 2018 (đến 30/9/2018)					Về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL		Về Danh mục dịch vụ SNCL sử dụng NSNN		Về Định mức kinh tế kỹ thuật	
		Tổng cộng	Tự đảm bảo chi TX & DT	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo 1 phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ chi TX	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt
17	Sở Nội vụ	1			1		QB 2729/QĐ-UBND ngày 14/9/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
18	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2			1	1	QB 2730/QĐ-UBND ngày 14/9/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
19	V/P UBND tỉnh	3			1	2	QB 2732/QĐ-UBND ngày 14/9/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
20	Sở Giáo dục và Đào tạo	49		1	33	15	QB 2734/QĐ-UBND ngày 14/9/2017	QB 2087/QĐ-UBND ngày 06/7/2017			Chưa xây dựng	
21	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp & PTNT	1		1			QB 3004/QĐ-UBND ngày 10/10/2017	QB 2631/QĐ-UBND ngày 01/9/2017			Chưa xây dựng	
22	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	10			5	5	QB 3073/QĐ-UBND ngày 17/10/2017	QB 2916/QĐ-UBND ngày 02/10/2017			Chưa xây dựng	
23	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	5		1	3	1	QB 3452/QĐ-UBND ngày 17/11/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
24	Dài PTTN An Giang	1		1			STC đã có ý kiến nhưng đơn vị chưa gửi lại		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
25	Trung tâm Xúc tiến TM & DT	1				1	STC đã có ý kiến nhưng đơn vị chưa gửi lại		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
26	V/P Tỉnh ủy	2			1	1	Do VP Tỉnh ủy phê duyệt		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
27	Tỉnh đoàn An Giang	2		1	1		STC đã có ý kiến nhưng đơn vị chưa gửi lại		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
28	Hội Nông dân tỉnh	2			2		QB 3451/QĐ-UBND ngày 17/11/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
29	Hội Đông y tỉnh	1		1			QB 3274/QĐ-UBND ngày 31/10/2017		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
30	Trường Cao đẳng nghề AG	1			1		STC đã có ý kiến nhưng đơn vị chưa gửi lại		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
31	Trường Chính trị Tôn Đức Thắng	1				1	Chưa gửi		Chưa xây dựng		Chưa xây dựng	
11	Cấp huyện	747	0	16	101	630						
1	TP Long Xuyên	64		3	32	29			x		x	
2	TP Châu Đốc	42		1	22	19			x		x	

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Số đơn vị SNCL năm 2018 (đến 30/9/2018)				Về Quy hoạch mạng lưới các đơn vị SNCL		Về Danh mục dịch vụ SNCL sử dụng NSNN		Về Định mức kinh tế kỹ thuật	
		Tổng cộng	Tự đảm bảo chi TX & ĐT	Tự đảm bảo chi TX	Tự đảm bảo 1 phần chi TX	NSNN đảm bảo toàn bộ chi TX	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt	Cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt
3	TX Tân Châu	62	2	2	58	x	x			x	x
4	H Chợ Mới	91	1	1	89	x	x			x	x
5	H Phú Tân	76	2	38	36	x	x			x	x
6	H Tri Tôn	61	2	0	59	x	x			x	x
7	H Tịnh Biên	78	1	2	75	x	x			x	x
8	H Châu Thành	63	1	2	60	x	x			x	x
9	H Châu Phú	74	1	1	72	x	x			x	x
10	H Thoại Sơn	72	2	1	69	x	x			x	x
11	H An Phú	64	0	0	64	x	x			x	x
	Tổng cộng	910	3	44	683						

